

**BẢN TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
CÁ NHÂN VÀ ĐỐI TƯỢNG CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP**

Ngày 16/6/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) gửi Công văn số 1850/BKH&CN-TTra xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan và đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ và Chính phủ. Tính đến ngày 31/8/2023 (ngày hết hạn đăng dự thảo trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ), Bộ KH&CN nhận được 70 ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cụ thể:

**1. Các cơ quan, đơn vị đồng ý (21 cơ quan, đơn vị):**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (2): Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Xây dựng.
- UBND các tỉnh (4): Cao Bằng, Quảng Bình, Tây Ninh, Vĩnh Long.
- Sở KH&CN các tỉnh (13): Bắc Ninh, Bình Thuận, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hòa Bình, Lai Châu, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Bình, Sóc Trăng, Thái Bình, Gia Lai, Tiền Giang.
- Các đơn vị khác (2): Cục Hải quan Đà Nẵng, Cục Thương mại điện tử và kinh tế số.

**2. Các đơn vị có ý kiến: 49 đơn vị, cụ thể như sau:**

TT	Nội dung được góp ý	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, Giải trình
I	Dự thảo Tờ trình		
1.		<b>Ban chỉ đạo 389 quốc gia:</b> Trong dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ KH&CN đề cập đến “Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../4/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về SHCN, bảo vệ quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về SHTT”. Tuy nhiên, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo 389 quốc gia không tìm thấy thông tin chính thức về việc đã ban hành nghị định này. Đề nghị Bộ KH&CN kiểm tra thông tin chính xác và hoàn thiện Tờ trình.	Tiếp thu. Trong Tờ trình Chính phủ (bản chính thức) Bộ KH&CN sẽ hoàn thiện, bổ sung chính xác theo quy định.
2.		<b>Bộ Quốc phòng:</b> Tại tiết 2.4 khoản 2 Mục IV, đề nghị chỉnh lý lại như sau: “Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại khoản 2 Điều 22 để phù hợp với nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ”, để phù hợp với nội dung quy định tại khoản 8 Điều 1 Dự thảo Nghị định.	Tiếp thu. Chỉnh lý lại Dự thảo Tờ trình theo hướng góp ý.
3.		<b>Bộ Ngoại giao:</b> tại Mục 2.4 (trang 6) có đề cập đến việc sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, tuy nhiên, tại dự thảo Nghị	Tiếp thu. Như tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Quốc phòng.



		định chưa thể hiện nội dung này. Vì vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.	
4.		<b>Ngân hàng Nhà nước:</b> Điểm a khoản 1 Điều 87 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: “ <i>Tờ trình đề nghị xây dựng nghị định, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị định; mục đích, quan điểm xây dựng nghị định; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị định; thời gian dự kiến đề nghị Chính phủ xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm việc thi hành nghị định</i> ”, do đó, đề nghị cân nhắc xem lại các đầu mục tại dự thảo Tờ trình để đảm bảo đầy đủ theo quy định nêu trên.	Không tiếp thu. Điểm a khoản 1 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về Tờ trình đề nghị xây dựng nghị định, không phải là quy định về Tờ trình thông qua dự thảo Nghị định.
5.		<b>Sở KH&amp;CN Điện Biên:</b> Trong dự thảo Tờ trình, tại mục 2.3, phần IV (trang 6): “Sửa đổi thẩm quyền xử phạt tại Điều 20 để khắc phục một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng”. Tuy nhiên trong dự thảo Nghị định không có nội dung sửa đổi Điều 20, chỉ có nội dung bãi bỏ quy định khoản 5 Điều 20 (tại khoản 1, Điều 2 (trang 5), quy định: “Bãi bỏ quy định khoản 3 Điều 4, điểm h khoản 2 Điều 7, điểm c khoản 15 Điều 10, điểm c khoản 17 Điều 11, khoản 5 Điều 20”.	Tiếp thu. Chỉnh lý lại Dự thảo Tờ trình đối với nội dung được góp ý cho phù hợp.
6.		Sở KH&CN Hà Nam: 2.1. Trường hợp trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ: Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh nội dung Tờ trình cho phù hợp. 2.2. Trường hợp trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ: - Đối với lời dẫn, đề nghị cơ quan soạn thảo viết gọn thành: “Thực hiện Quyết định số 48/QĐ-TTg, ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 như sau:” - Tại mục 2, phần IV: Đề nghị trình bày rõ việc sửa đổi, bổ sung nội dung gì sau đó mới đưa ra nội dung giải thích. Ví dụ: “Sửa đổi quy định tại Điều 4 để phù hợp với quy	Tiếp thu. Rà soát, chỉnh lý lại Dự thảo Tờ trình theo hướng góp ý.



		định tại Điều 213 Luật SHTT” hoặc “Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 7 để phù hợp với nội dung quy định tại Điều 151, 153, 154, 155, 156 Luật SHTT”.	
7.		<p>Sở KHCN Hưng Yên: a) Tại đoạn văn mở đầu của dự thảo Tờ trình, đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa đoạn văn bản: “Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023 trong đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021” thành “Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ như sau:” cho phù hợp với hướng dẫn tại Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>b) Tại khoản 2 Mục IV, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày các điểm từ kiểu chữ nghiêng, đậm thành kiểu chữ đứng và không trình bày các điểm trong mỗi khoản bằng các ký hiệu như: “2.1.”, “2.2”, “2.3”, “2.4” mà dùng các chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, sau có dấu đóng ngoặc đơn, bằng chữ in thường, cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn, kiểu chữ đứng để trình bày thứ tự các điểm trong mỗi khoản cho phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 6 Mục II Phần I Phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Ví dụ như: a), b), c), d)...</p>	Tiếp thu. Chính lý Dự thảo Tờ trình theo hướng góp ý.
8.		<b>Viện KHSHTT:</b> Mục 2, phần IV Dự thảo Tờ trình đã giải thích lý do của việc sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Dự thảo Nghị định, trong đó có một số điều, khoản được sửa đổi, bổ sung để “ <i>khắc phục vướng mắc trong thực tiễn</i> ”, tuy nhiên nếu Dự	Tiếp thu. Nghiên cứu bổ sung vào Dự thảo Tờ trình.



		thảo Tờ trình có thể nêu rõ vướng mắc trong thực tiễn là vướng mắc gì thì việc sửa đổi, bổ sung các quy định tương ứng sẽ có sức thuyết phục hơn.	
9.		<p>Tòa án nhân dân tối cao:</p> <p>- Về sự cần thiết (mục 1 dự thảo Tờ trình) Tòa án nhân dân tối cao đề nghị thể hiện cụ thể hơn một số nhận định tại dự thảo Tờ trình như “một số quy định về áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm cụ thể trong nhiều trường hợp còn chưa phù hợp, gây khó khăn trong quá trình áp dụng”; “một số quy định còn chưa phù hợp với thực tiễn,…”</p> <p>- Về bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định (mục 4 dự thảo Tờ trình) Đề nghị thể hiện rõ hơn nội dung “sửa đổi thẩm quyền xử phạt tại Điều 20 để khắc phục một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng” tại tiểu mục 2.3 mục 4 dự thảo Tờ trình.</p>	Tiếp thu. Nghiên cứu bổ sung vào Dự thảo Tờ trình.
10.		<p><b>Bộ Tư pháp</b></p> <p><b>1.1.</b> Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung vào mục IV.2 dự thảo Tờ trình lý do sửa đổi, bổ sung các điều, khoản, điểm trong dự thảo Nghị định để làm rõ hơn căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn của các vấn đề cần phải sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, tạo điều kiện cho các cơ quan, cá nhân, tổ chức trong quá trình góp ý, thẩm định văn bản.</p> <p><b>1.2.</b> Về phạm vi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, Bộ Tư pháp thấy rằng: Theo nội dung Mục I dự thảo Tờ trình, sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành và có hiệu lực, Chính phủ đang xem xét ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Đây là một Nghị định mới hoàn toàn, thay thế Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010) và Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018); trong đó, dự thảo</p>	<p>1.1. Tiếp thu. Chính lý Dự thảo Tờ trình theo hướng góp ý.</p> <p>1.2. Giải trình: Qua rà soát cho thấy, các nội dung mới được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 và tại Nghị định số 65/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ không có nhiều thay đổi liên quan đến hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực</p>



		<p>Nghị định này (Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ) dự kiến bổ sung nhiều nội dung mới so với các Nghị định dự kiến bãi bỏ. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cần tổng kết toàn diện Nghị định số 99/2013/NĐ-CP và Nghị định số 126/2021/NĐ-CP để xây dựng văn bản quy định xử phạt vi phạm hành chính tổng thể, bảo đảm hệ thống các quy định xử phạt đầy đủ, phù hợp thực tiễn và đủ sức răn đe. Theo đó, đề nghị cân nhắc nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 99/2013/NĐ-CP</p> <p>1.3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa một số vấn đề về thể thức, kỹ thuật của dự thảo Tờ trình theo đúng yêu cầu tại Mẫu số 03, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>sở hữu công nghiệp và các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Trên cơ sở đó, Bộ KH&amp;CN được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì xây dựng (theo quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023) Dự thảo “Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ”.</p> <p>1.3. Tiếp thu. Chính lý hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo hướng góp ý.</p>
11.		<p><b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</b></p> <p>- Để có cơ sở đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung và làm rõ sự cần thiết, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể hóa những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thực hiện Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 và Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Mục IV.2.3 của dự thảo Nghị định nêu “Sửa đổi thẩm quyền xử phạt tại Điều 20 để khắc phục một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng”. Mục IV-24 của dự thảo Tờ</p>	<p>Tiếp thu. Chính lý dự thảo Tờ trình theo hướng góp ý.</p>



		trình nêu “Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định để phù hợp với nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định không sửa đổi, bổ sung các nội dung nêu trên. Do vậy, đề nghị rà soát nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định để bảo đảm tính thống nhất.	
12.		<b>Sở KHCN Hà Nam:</b> Tại mục 2, phần IV: Đề nghị trình bày rõ việc sửa đổi, bổ sung nội dung gì sau đó mới đưa ra nội dung giải thích. Ví dụ: “Sửa đổi quy định tại Điều 4 để phù hợp với quy định tại Điều 213 Luật SHTT” hoặc “Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 7 để phù hợp với nội dung quy định tại Điều 151, 153, 154, 155, 156 Luật SHTT”.	Tiếp thu. Rà soát, chỉnh lý lại Dự thảo Tờ trình theo hướng góp ý.
<b>II Dự thảo Nghị định</b>			
<b>II.1 Ý kiến chung về dự thảo Nghị định</b>			
13.		<b>Ban chỉ đạo 389 quốc gia:</b> Rà soát, đảm bảo tính thống nhất giữa dự thảo Nghị định 99 sửa đổi với Nghị định hướng dẫn quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về SHCN, bảo vệ quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về SHTT ( <i>như đã nêu tại Tờ trình</i> );	- Tiếp thu. Rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất giữa dự thảo Nghị định 99 sửa đổi với Nghị định hướng dẫn quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về SHCN, bảo vệ quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về SHTT.
14.		<b>Ban chỉ đạo 389 quốc gia:</b> Rà soát, chỉnh sửa rõ ý các quy định liên quan đến các biện pháp khắc phục hậu quả để đảm bảo sự mạch lạc, chặt chẽ và thống nhất về nội dung giữa các quy định được sửa đổi với các quy định đang có hiệu lực của Nghị định 99/2013/NĐ-CP và Luật Xử lý vi phạm hành chính. <i>Ví dụ: Điều 1, khoản 2, điểm b dự thảo Nghị định 99 sửa đổi quy định:</i> “Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu và phương tiện	Tiếp thu một phần. - Việc loại bỏ yếu tố vi phạm đối với biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đã bao gồm tiêu hủy yếu tố vi phạm (trong trường hợp có thể tiêu hủy).



	<p>được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa và với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và hàng hóa đó có giá trị sử dụng, không gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường”.</p> <p>Quy định chưa rõ các nội dung như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có cần tiêu hủy yếu tố vi phạm sau khi yếu tố này bị loại bỏ?;</li> <li>+ Việc loại bỏ yếu tố vi phạm “trên hàng hóa” có bao gồm cả “nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo”?;</li> <li>+ Thế nào là hàng hóa “không gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường”?</li> <li>+ “Người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp” có phải chính là “điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp”?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc loại bỏ bao gồm cả trên phương tiện vi phạm.</li> <li>- Điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có bao gồm điều kiện ví dụ như: việc đưa tin, cung cấp thông tin không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền.</li> <li>- Hàng hóa có gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường là sản phẩm, hàng hóa nhóm 1, 2 theo Quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.</li> </ul>
15.	<p><b>Bộ Quốc Phòng:</b> b) Bổ sung một khoản quy định: “Bộ Đội Biên phòng, Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các nhóm hành vi vi phạm quy định tại Điều 12, Điều 13”.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Để đảm bảo phù hợp, thống nhất với thẩm quyền của các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và nguyên tắc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 và Điều 40, Điều 41 Luật Xử lý vi phạm hành chính (quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển); đồng thời, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Bộ đội Biên phòng được quy định tại khoản 4 Điều 14, khoản 3 Điều 15 Luật Biên phòng Việt Nam và nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát biển quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Cảnh sát biển Việt Nam.</li> <li>- Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ chưa quy định Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển được xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở</li> </ul>	<p>Không tiếp thu. Lý do: Luật Sở hữu trí tuệ (cụ thể Khoản 1 Điều 200 Luật SHTT) không quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp của lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển.</p>



		<p>hữu công nghiệp. Việc bổ sung phân định thẩm quyền cho Bộ Đội Biên phòng, Cảnh sát biển được xử phạt vi phạm hành chính đối với các nhóm hành vi vi phạm quy định trong Nghị định số 99/2013/NĐ-CP là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và trách nhiệm của các Bộ, ngành quy định tại Điều 58 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ.</p>	
16.		<p><b>Sở KHCN Vĩnh Phúc:</b> Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, tích hợp dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ thành một Nghị định, tạo thuận lợi cho việc triển khai trong thực tế.</p>	<p>Tiếp thu. Sau khi Nghị định này được ban hành, cơ quan có thẩm quyền sẽ ban hành văn bản hợp nhất thuận lợi cho việc áp dụng.</p>
17.		<p><b>Viện kiểm sát Nhân dân tối cao:</b> Để làm rõ căn cứ, cơ sở thực tiễn, đề nghị bổ sung Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 đồng thời bổ sung nội dung giải trình để làm rõ lý do sửa đổi (như nội dung sửa đổi tại Điều 3, Điều 12 dự thảo Nghị định mới chỉ có nêu “để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ” là chưa rõ căn cứ quy định nào của Luật Sở hữu trí tuệ,...).</p>	<p>Tiếp thu.</p>
18.		<p><b>Sở KHCN An Giang:</b> Tại căn cứ ban hành văn bản: Căn cứ số 01, 02, 03, 07, đề nghị viết hoa từ “sửa” trong cụm từ “Luật sửa đổi, bổ sung” và “Nghị định sửa đổi, bổ sung” theo quy định tại khoản 5 Mục V Phụ lục VI Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Đề nghị điều chỉnh dấu hai chấm (: ) thành dấu chấm (.) sau từ “<b>Điều 1</b>” trong dự thảo Nghị định cho thống nhất.</p>	<p>Tiếp thu một phần. Cụ thể, tiếp thu góp ý đối với dấu “:” sau “Điều 1”.</p> <p>Không tiếp thu góp ý viết hoa từ “sửa”. Lý do: khoản 5 Mục V Phụ lục VI Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 không quy định viết hoa từ “sửa”.</p>



19.		<b>Sở KHCN Đồng Nai:</b> Từ “Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ ....” thành “Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ- CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ...”	Tiếp thu. Điều chỉnh Dự thảo Nghị định theo hướng góp ý.
20.		<b>Bộ Thông tin Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước, Sở KHCN Hà Tĩnh, Sở KHCN Hà Nam:</b> Để tránh rườm rà, phức tạp, gây khó khăn trong quá trình áp dụng, đề nghị xem xét, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng nghị định mới thay thế 02 Nghị định nêu trên.	Không tiếp thu. Lý do: Dự thảo Nghị định này xây dựng dựa trên căn cứ Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng giao xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung. Sau khi Nghị định được ban hành và văn bản hợp nhất sẽ thuận lợi trong quá trình áp dụng.
21.		<b>Bộ Thông tin và Truyền thông:</b> Những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin thì tình trạng xâm phạm về quyền sở hữu công nghiệp có chiều hướng gia tăng, phức tạp. Nhằm tạo răn đe, phòng ngừa vi phạm, đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung nâng mức xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực này.	Tiếp thu một phần: nghiên cứu nâng mức phạt tại một số hành vi.
22.		<b>Ngân hàng Nhà nước:</b> Về kỹ thuật trình bày văn bản: Đề nghị rà soát lại kỹ thuật trình bày văn bản tại dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định tại Chương V và Mẫu số 28 Nghị định 34/2016/NĐ-CP về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung).	Tiếp thu. Rà soát, chỉnh lý Dự thảo Nghị định.
23.		<b>Bộ ngoại giao:</b> Kể từ năm 2013, ngoài các FTA song phương, Việt Nam đã tham gia nhiều FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, UKVFTA) bao gồm nhiều lĩnh vực mới như thương mại điện tử, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ... Do đó, đề nghị Quý Bộ cân nhắc bổ sung đánh giá tác động của việc sửa đổi đối với việc thực thi các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã tham gia.	Tiếp thu. Rà soát lại Dự thảo Nghị định để phù hợp với các điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó bao gồm FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA.
24.		<b>UBND tỉnh Lào Cai:</b> Về căn cứ ban hành: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm căn cứ: “ <i>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số</i>	Không tiếp thu. Nghị định chỉ trích dẫn những căn quy quy định về thẩm quyền quyền ban hành, quy



		<i>điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;”</i>	định về nội dung văn bản và có tác động trực tiếp.
25.		<p><b>UBND tỉnh Lào Cai:</b> Về nội dung Dự thảo Nghị định</p> <p>- Tại Điều 1: Các nội dung không quy định rõ sửa đổi, bổ sung nội dung của Nghị định nào (Nghị định số 99/2013/NĐ-CP hay Nghị định số 126/2021/NĐ-CP). Đề nghị cơ quan soạn thảo nêu rõ tên của Điều, cũng như các nội dung quy định cụ thể sửa của Nghị định nào.</p>	<p>Không tiếp thu. Lý do: Tên Điều 1 đã quy định cụ thể nội dung này. Cụ thể: Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.</p>



26.		<p><b>Sở KH&amp;CN Hưng Yên:</b> Tại phần căn cứ ban hành văn bản, đề nghị Cơ quan soạn thảo tách căn cứ thứ 1, căn cứ thứ 2, căn cứ thứ 3 (từ trên xuống) thành các căn cứ riêng biệt cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể trình bày lại như sau:</p> <p>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;</p> <p>Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;</p>	<p>Không tiếp thu. Khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật không quy định tách riêng căn cứ như ý kiến góp ý.</p> <p>Ngoài ra, Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP cũng có căn cứ là:</p> <p>“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019”.</p>
II.2	<b>Góp ý chi tiết Dự thảo Nghị định</b>		
27.	<b>Điểm a khoản 1 Điều 1 Dự thảo Nghị định</b>	<p><b>Bộ Tư pháp:</b> Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh sửa khoản 4 Điều 1a Nghị định số 99/2013/NĐ-CP (dự kiến sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định) thành: <i>“Việc xác định đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính”</i> để bảo đảm tính rõ ràng, thống nhất của văn bản.</p>	Tiếp thu. Chính lý dự thảo Nghị định như ý kiến góp ý.
28.		<p><b>Bộ Thông tin Truyền thông:</b> Đề nghị xem xét, sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 1 trong dự thảo Nghị định: Theo quy định tại Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính, đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là tổ chức và cá nhân, tuy nhiên, trong Dự thảo Nghị định đề cập đến 03 đối tượng (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) có</p>	Tiếp thu. Như nội dung tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.



		thể không bao quát hết các đối tượng vi phạm, mặt khác “ <i>địa điểm kinh doanh</i> ” không phải là pháp nhân chịu xử lý vi phạm.	
29.		<b>Sở KH&amp;CN Hải Phòng:</b> 2. Đề nghị chỉnh lý cụm từ “ <i>chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</i> ” tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định thành “ <i>chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức</i> ” cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.	Tiếp thu. Như nội dung tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
30.		<b>Sở KHCN Quảng Ninh:</b> 1. Đối với nội dung sửa đổi khoản 4 Điều la Đề nghị sửa lại là “4. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức, cá nhân được xác định theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.”. Lý do: Nội dung này khi sửa đổi đã bỏ đi cụm từ “của doanh nghiệp nên sẽ thiếu chủ thể của chi nhánh, văn phòng đại diện và đặc biệt là của địa điểm kinh doanh, cần bổ sung “của tổ chức, cá nhân “để vừa bảo đảm không để lọt đối tượng, vừa bảo đảm cấu trúc văn phạm.	Tiếp thu. Như nội dung tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
31.		<b>Sở KHCN Tuyên Quang:</b> - Điểm a Khoản 1 Điều 1 của Dự thảo Nghị định “4. <i>Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được xác định theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính</i> ”: Đề nghị xem lại việc quy định địa điểm kinh doanh là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính có phù hợp không.	Tiếp thu. Như nội dung tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
32.		<b>UBND tỉnh Thanh Hóa:</b> Tại điểm a khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị định: Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung thành “Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức, cá nhân được xác định theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”. Lý do: Nội dung này khi sửa đổi đã bỏ đi cụm từ “của doanh nghiệp” nên sẽ thiếu chủ	Tiếp thu. Như nội dung tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.



		thể của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Vì vậy, cần bổ sung cụm từ “của tổ chức, cá nhân” để đảm bảo việc không để lọt đối tượng.	
33.		<b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</b> Đề nghị bổ sung vào điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: “Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là chi nhánh, văn phòng đại diện địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức được xác định theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.	Tiếp thu. Như nội dung tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
34.	<b>Điểm b khoản 1 Điều 1 Dự thảo Nghị định</b>	<b>Bộ Tư pháp:</b> Khoản 5 Điều 1a Nghị định số 99/2013/NĐ-CP (dự kiến bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định) quy định: “Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam”. Đây là nội dung về việc xác định địa điểm xảy ra hành vi vi phạm, trong khi nội dung cũng như tên gọi của Điều 1a Nghị định số 99/2013/NĐ-CP là “đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính”. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ, đối với hành vi xảy ra trên mạng internet, nhưng nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam (ở nước ngoài) thì việc thi hành quyết định xử phạt đối với cá nhân/tổ chức vi phạm được thực hiện như thế nào. Nếu quy định vấn đề này trong dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn cách thức xác định đối tượng, hành vi vi phạm; đồng thời, nghiên cứu, bổ sung quy định về việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân/tổ chức vi phạm ở nước ngoài.	Tiếp thu. Chính lý Dự thảo Nghị định theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Nghị định.
35.		<b>Bộ Ngoại giao:</b> Về dự thảo Nghị định: tại điểm b khoản 1 Điều 1 (bổ sung khoản 5 Điều 1a Nghị định số 99/2013/NĐ-CP), để bảo đảm tính khả thi, đề nghị cân nhắc bổ sung như sau: “5. Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam và được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức cư trú, hiện diện trên lãnh thổ Việt Nam”.	Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
36.		<b>Bộ giao thông vận tải:</b> 1. Tại điểm b khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị định: đề nghị xem xét việc bổ sung khoản 5 vào Điều 1a do nội dung của khoản 5 không quy định về đối tượng bị xử phạt.	Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.



37.		<p><b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</b> - Tại điểm b khoản 1 Điều 1 bỏ cụm từ “bị coi” sau cụm từ “hành vi”. Lý do: cần quy định hành vi vi phạm trên lãnh thổ Việt Nam, không quy định như dự thảo vì người thực thi pháp luật có thể áp dụng theo cảm tính; Tại điểm b khoản 2 Điều 1 bổ sung việc tiêu hủy đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa trong trường hợp không thể tái xuất.</p> <p>Lý do: không phải hàng hóa nào cũng có thể tái xuất hoặc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam được, do đó cần bổ sung biện pháp xử phạt bổ sung vào dự thảo để đảm bảo xử lý tận gốc hàng hóa vi phạm; Tại điểm a khoản 3 Điều 1 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, phương tiện kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này”; Tại tiêu mục điểm đ, khoản 4, Điều 1 lỗi đánh máy “Bổ sung, bổ sung”; Tại tiêu mục các điểm a, b, c khoản 6, Điều 1 bỏ “Điều 12” vì đã được nêu tại tiêu mục khoản 6 “Sửa đổi, bổ sung một số điểm Điều 12 như sau”; Tại tiêu mục các điểm a, b khoản 6 Điều 1 thay thế cụm từ “Bổ sung” thành “Sửa đổi, bổ sung” vì các điểm này đã được quy định tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.</p>	Nhu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
38.		<p><b>Tòa án nhân dân tối cao:</b></p> <p>- Điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 1a Nghị định số 99/2013/NĐ-CP về đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính như sau: “5. Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam”. Tòa án nhân dân tối cao đề nghị chỉnh sửa lại nội dung này cho chính xác như sau: “5. Hành vi xảy ra trên mạng Internet nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam”.</p>	Nhu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
39.		<p><b>Sở KHCN Thái Nguyên:</b> Tại điểm b khoản 1 Điều 1 của dự thảo:</p> <p>- Đề nghị không bổ sung thêm khoản 5 mà bổ sung vào sau khoản 1 Điều 1a như sau: “Cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p><i>Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam”.</i></p>	Nhu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.



40.		<p><b>Sở KHCN Tuyên Quang:</b> Điểm b Khoản 1 Điều 1 của Dự thảo Nghị định “5. Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam”: Đề nghị sửa lại thành: “Hành vi vi phạm trên internet bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam”.</p>	<p>Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.</p>
41.		<p><b>Ngân hàng nhà nước:</b> Điểm b khoản 1 (bổ sung khoản 5 vào Điều 1a) Điều 1: Đề nghị xem lại quy định này “Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam.” vì không rõ ràng, chưa đầy đủ và bao quát.</p>	<p>Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.</p>
42.		<p><b>Sở KHCN Hải Phòng:</b> 1. Đề nghị xem xét quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi “5. Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam” được bổ sung khoản 5 Điều 1a của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 là phù hợp vì đây là nội dung về hành vi. Vì vậy, đề nghị chuyển điểm b, khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định thành khoản 3 Điều 1 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021.</p>	<p>Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.</p>
43.		<p><b>Cục SHTT:</b> Về điểm b khoản 1 Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, chỉnh lý điểm này như sau để tạo thuận lợi cho việc thi hành cũng như bảo đảm sự thống nhất với dự thảo Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ:</p> <p>“Hành vi cũng bị coi là xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet và được thực hiện trên trang thông tin điện tử dưới tên miền Việt Nam hoặc có ngôn ngữ hiển thị là tiếng Việt hoặc nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam”.</p>	<p>Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.</p>
44.		<p><b>UBND tỉnh Thanh Hóa:</b> Đề nghị bỏ điểm b khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị định: “b) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:</p> <p>“5. Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng</p>	<p>Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.</p>



		Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam”. Lý do: Do nội dung này đã được quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.	
45.		<b>Bộ Công thương:</b> Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo xem xét không bổ sung khoản 5 sau khoản 4 Điều la mà sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều la theo hướng: “Cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này xảy ra trên mạng internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam cũng được coi là hành vi vi phạm xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam”.	Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
46.		<b>Sở KHCN Quảng Ninh:</b> Đối với nội dung bổ sung khoản 5 sau khoản 4 Điều la: Đề nghị sửa lại là “Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng tại Việt Nam”. Lý do: bỏ cụm từ “hoặc người dùng tin” vì khái niệm này không rõ ràng, mặt khác người dùng tin chỉ là đối tượng trung gian, người tiêu dùng mới là đối tượng trực tiếp bị tác động nên chỉ cần “người tiêu dùng tại Việt Nam” là đủ.	Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
47.		<b>Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội:</b> Chủ thể “ <i>người dùng tin tại Việt Nam</i> ” tại phần bổ sung khoản 5 của Điều 1a: “ <i>5. Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam</i> ”.	Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
48.		<b>UBND tỉnh Lào Cai:</b> Tại khoản 5, Điều 1: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định đối với trường hợp vi phạm xảy ra trên mạng Internet như sau: “5. Hành vi vi phạm pháp luật bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam”	Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
49.		<b>Công ty Luật Tâm nhìn và Liên danh:</b> Bổ sung khoản 5, Điều 1a: “5. <i>Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam.</i> ” <i>Đồng ý với việc bổ sung quy định này tại Dự thảo. Tuy nhiên, chúng tôi đề xuất sửa</i>	Như tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.



		<p>đổi thêm để làm rõ việc “nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam” như sau:</p> <p>“5. Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet hoặc mạng viễn thông nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam, thông qua một hoặc một số dấu hiệu như trang thông tin điện tử dưới tên miền Quốc gia Việt Nam, có ngôn ngữ hiển thị là tiếng Việt, có lượng truy cập chủ yếu đến từ Việt Nam, đơn vị tiền tệ là Việt Nam Đồng.”</p> <p>Việc làm rõ nêu trên có thể đưa trực tiếp vào Dự thảo Nghị định sửa đổi ND99, hoặc được bổ sung trong các Văn bản hướng dẫn sau này.</p>	
50.		<p><b>EUROCHAM:</b> Điều 1.1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1a như sau:</p> <p>...</p> <p>b) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:</p> <p>“5. Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam.”</p> <p><b>Ý kiến :</b> Chúng tôi nhận thấy “người dùng tin” là thuật ngữ ít thông dụng và có khả năng gây khó hiểu khi áp dụng quy định này để xác định hành vi xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p><b>Khuyến nghị:</b></p> <p>Để làm rõ phạm vi của quy định này, chúng tôi khuyến nghị:</p> <p>Bổ sung định nghĩa về “người dùng tin”, hoặc</p> <p>Thay thế “người dùng tin” bằng thuật ngữ khác dễ hiểu hơn, ví dụ như “người dùng Internet”.</p>	Nhu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
51.	Điểm a khoản 2 Điều 1	<p><b>Sở KHCN Bắc Giang:</b> - Tại điểm a khoản 2 Điều 1 Dự thảo, bổ sung cho rõ nghĩa: “c) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.” (quy định tại khoản 5, Điều 5 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Xử phạt VPHC).</p>	Tiếp thu một phần. Chính lý nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Dự thảo để đảm bảo rõ ràng, cụ thể.
52.		<p><b>Sở KHCN Khánh Hòa :</b> Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về thời gian đình chỉ một phần hoặc toàn bộ dịch vụ vi phạm quy định từ 01 tháng đến 03</p>	Không tiếp thu: Lý do. Quy định về xử phạt bổ sung hiện hành là phù



		tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành, nhận thấy mức xử phạt này còn khá nhẹ chưa có sức răn đe, cần tăng thời gian đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng, cụ thể như sau: “c. Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành”	hợp với thực tiễn áp dụng và đặc thù của các hành vi vi phạm trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.
53.		<p><b>EUROCHAM:</b> Điều 1.2. Sửa đổi bổ sung một số điểm, khoản Điều 3 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 3 như sau:</p> <p>“c) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.”</p> <p><b>Ý kiến :</b> Chúng tôi cho rằng việc đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến hàng hóa, dịch vụ vi phạm cần được áp dụng toàn bộ để đảm bảo hành vi xâm phạm liên quan đến hàng hóa, dịch vụ vi phạm sẽ không ảnh hưởng đến quyền sở hữu công nghiệp của chủ thể quyền.</p> <p><b>Khuyến nghị:</b></p> <p>“c) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.”</p>	Không tiếp thu. Trong nhiều trường hợp mà tổ chức, cá nhân vi phạm có nhiều ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh thì việc áp dụng đình chỉ một phần hoạt động, sản xuất kinh doanh sẽ khả thi và đảm bảo nguyên tắc của Luật XLVPHC.
54.	<b>Điểm b khoản 2 Điều 1</b>	<p><b>Bộ Công thương:</b> Tại điểm b khoản 2 Điều 1 đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo thay đổi dấu chấm phẩy “;” giữa “chỉ dẫn địa lý” và “nguyên liệu” thành dấu phẩy “,” để nội dung được rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu nhầm, cụ thể như sau: “Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và hàng hoá đó có giá trị sử dụng, không gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường”.</p>	Tiếp thu.
55.		<p><b>UBND tỉnh Lạng Sơn:</b> 1. Tại điểm b khoản 2 Điều 1: Dự thảo đã sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP về hình thức xử phạt, biện</p>	Không tiếp thu. Biện pháp buộc tái xuất hoặc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam khác với Biện pháp phân phối



	<p>pháp khắc phục hậu quả như sau:</p> <p><i>“b) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa và với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và hàng hoá đó có giá trị sử dụng, không gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường;</i></p> <p><i>c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa;”</i>. Đề nghị xem xét lại quy định này vì thực tế cho thấy có trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa, trong quá trình làm thủ tục khai báo hải quan, cơ quan hải quan phát hiện doanh nghiệp đã nhập khẩu hàng hóa có dấu hiệu giả mạo chỉ dẫn địa lý, nhãn hàng hóa được in gắn trực tiếp trên sản phẩm.</p> <p>Kết quả xác minh cho thấy cơ sở sản xuất ghi trên nhãn hàng hóa xác định không sản xuất loại hàng hóa này, do vậy hàng hóa được xác định là hàng giả (chỉ dẫn địa lý), lúc này doanh nghiệp lấy lý do đối tác nước ngoài gửi nhầm hàng, lực lượng chức năng chỉ có thể xử lý hành chính và buộc tái xuất lô hàng, còn việc “loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa” thực tế còn nhiều bất cập vì có mặt hàng không thể loại bỏ yếu tố vi phạm được hoặc với trường hợp số lượng hàng hóa rất lớn lên đến vài chục nghìn sản phẩm thì việc loại bỏ yếu tố vi phạm là khó khả thi.</p>	<p>hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại.</p>
56.	<p><b>Sở KH&amp;CN Bắc Giang:</b> - Tại điểm b, c khoản 2 Điều 1, bổ sung cụm từ “giả mạo chỉ dẫn địa lý: “b) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc giả mạo chỉ dẫn địa lý;...”; “Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc giả mạo chỉ dẫn địa lý, (quy định tại khoản 1 Điều 213, khoản 2 Điều 214 Luật SHTT).</p>	<p>Không tiếp thu. Quy định theo nội dung góp ý là không cần thiết. Cụm từ “hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý” là rõ ràng về hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc hàng hóa giả mạo chỉ dẫn địa lý.</p>



57.		<p><b>Vụ pháp chế:</b> Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định (điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP): Đề nghị xem xét làm rõ, tách bạch các nội dung “không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và hàng hoá đó có giá trị sử dụng” để tránh có nhiều cách hiểu không thống nhất. Tương tự đối với điểm a khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định.</p>	Tiếp thu.
58.		<p><b>Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội:</b> Chủ thể “khách hàng tiềm năng” tại phần bổ sung điểm b khoản 3 Điều 3: “<i>b) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa và với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và hàng hoá đó có giá trị sử dụng, không gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường.</i>”</p> <p>Theo ngữ nghĩa trong kinh doanh, thuật ngữ “khách hàng tiềm năng” chỉ nhóm khách hàng nhỏ, có quan tâm đến hàng hóa vi phạm và có khả năng chi trả cho hàng hóa đó, tuy nhiên chưa sử dụng hàng hóa vi phạm. Như vậy thì vẫn có thể gây ảnh hưởng đến những khách hàng đã sử dụng hàng hóa vi phạm. Cần giải thích rõ để cá nhân, tổ chức, đơn vị vi phạm có phương án cụ thể hợp lý đảm bảo xử lý hàng hóa theo quy định.</p>	Không tiếp thu. Lý do: Quy định điều kiện áp dụng biện pháp Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại tại Dự thảo Nghị định đã đảm bảo rõ ràng, cụ thể để áp dụng và thống nhất với quy định tại Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.
59.		<p><b>Sở KHCN TP HCM:</b> Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định (điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP): Đề nghị xem xét làm rõ, tách bạch các nội dung “không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và hàng hoá đó có giá trị sử dụng” để tránh có nhiều cách hiểu không thống nhất. Tương tự đối với điểm a khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định.</p>	Tiếp thu. Chính lý lại nội dung góp ý theo hướng thống nhất với quy định tại Nghị định số 65/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu



			trí tuệ.
60.		<b>Cục Hải quan TP. Hà Nội:</b> - Sửa điểm c khoản 2 Điều 1 “ c.Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa giả nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm” (bỏ cụm từ “ trên hàng hóa”).	Tiếp thu. Chính sửa Dự thảo Nghị định theo hướng như ý kiến góp ý.
61.		<b>Sở KHCN TP HCM:</b> Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm b.c, khoản 2, Điều 1; điểm b khoản 6 Điều 1 dự thảo, bổ sung về thời hạn như sau: “Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý.....sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa trong thời hạn 30 ngày, quá thời hạn nêu trên hàng hóa vi phạm chưa tái xuất hoặc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thì buộc tiêu hủy.”	Không tiếp thu. Lý do, không thể áp dụng biện pháp khắc phục khác để thay thế cho biện pháp khắc phục hậu quả được nêu trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.
62.	<b>Điểm c khoản 2 Điều 1</b>	<b>Bộ Công an:</b> 1. Tại điểm c khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung điểm k khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP) quy định bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả là: “Buộc tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm triệu hồi hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đã được đưa vào kênh phân phối của tổ chức, cá nhân đó để áp dụng một trong các biện pháp phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại, tiêu hủy hoặc biện pháp khác theo quy định”. Tuy nhiên, đề nghị làm rõ sau khi triệu hồi hàng hóa thì áp dụng biện pháp nào trong các biện pháp nêu trên.	Tiếp thu. Chính lý Dự thảo Nghị định theo hướng không quy định biện pháp này trong Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN, mà kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quy định, áp dụng trong biện pháp tư pháp để phù hợp với quy định tại Hiệp định EVFTA.
63.		<b>Sở KHCN TP HCM:</b> Tại điểm c khoản 2 Điều 1 dự thảo, đề nghị thay từ “triệu hồi” bằng từ “thu hồi” như sau: “ Buộc tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm thu hồi hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đã được đưa vào kênh phân phối của tổ chức, cá nhân đó để áp dụng một trong các biện pháp phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại, tiêu hủy hoặc biện pháp khác theo quy định.” Lý do: Để rõ nghĩa và thống nhất với các văn bản pháp luật liên quan về sở hữu trí tuệ.	Như nội dung tiếp thu, giải trình đối với góp ý của Bộ Công an.
64.		<b>Bộ Công Thương:</b> Tại điểm c khoản 2 Điều 1 đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo xem xét	Như nội dung tiếp thu, giải trình đối



		thay đổi từ “triệu hồi” thành từ “thu hồi”.	với góp ý của Bộ Công an.
65.		<p><b>Cục SHTT:</b> Về điểm c khoản 2 Điều 1 Dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc về quy định thẩm quyền áp dụng biện pháp buộc tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa xâm phạm triệu hồi hàng hóa xâm phạm đã được đưa vào kênh phân phối của tổ chức, cá nhân xâm phạm của cơ quan xử phạt vi phạm hành chính. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (Hiệp định EVFTA), chi yêu cầu trao thẩm quyền áp dụng biện pháp này cho cơ quan tư pháp.</p> <p>Trường hợp cơ quan soạn thảo vẫn giữ nguyên quy định này trong dự thảo Nghị định, Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng cơ quan soạn thảo cần chỉnh lý nội dung này cho phù hợp với tinh thần đây là biện pháp bổ sung để hỗ trợ việc thực hiện các biện pháp tiêu hủy hoặc đưa vào kênh phân phối phi thương mại mà cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng và khi có yêu cầu của chủ thể quyền.</p>	Tiếp thu. Như nội dung tiếp thu, giải trình đối với góp ý của Bộ Công an.
66.		<p><b>Kiểm toán Nhà nước:</b> Đề nghị cân nhắc khi dùng cụm từ “triệu hồi” đối với hàng hóa vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều 1 do thuật ngữ này không được sử dụng trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. Mặt khác, theo từ điển Tiếng Việt và từ điển Luật học, “triệu hồi” là hành vi pháp lý của nước cử đi áp dụng để gọi đại sứ của mình đang công tác tại nước ngoài trở về nên không phù hợp khi áp dụng đối với hàng hóa vi phạm.</p>	Như nội dung tiếp thu, giải trình đối với góp ý của Bộ Công an.
67.		<p><b>Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội:</b> Khái niệm “<i>triệu hồi hàng hóa</i>” tại điểm k khoản 3 Điều 3: “<i>k) Buộc tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm triệu hồi hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đã được đưa vào kênh phân phối của tổ chức, cá nhân đó để áp dụng một trong các biện pháp phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại, tiêu hủy hoặc biện pháp khác theo quy định.</i>”.</p> <p>Tại mỗi văn bản hiện hành của Chính phủ và Bộ, ngành đang có khái niệm “Triệu hồi” khác nhau:</p> <p>Tại khoản 4 Điều 82 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan để xử lý hàng hóa xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định: “<i>Tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan xử lý hành vi xâm phạm quyết định áp dụng biện pháp quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này hoặc khi có yêu</i></p>	Như nội dung tiếp thu, giải trình đối với góp ý của Bộ Công an.



	<p><i>câu của chủ thể quyền, buộc tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa xâm phạm triệu hồi hàng hóa xâm phạm đã được đưa vào kênh phân phối của tổ chức, cá nhân đó để áp dụng biện pháp quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này hoặc biện pháp khác, nếu xét thấy thích hợp. Trong quá trình ra quyết định xử lý hành vi xâm phạm, cơ quan xử lý hành vi xâm phạm có thể xem xét đề nghị của các bên liên quan về việc xử lý hành vi xâm phạm”.</i></p> <p>Theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT thì “<i>Triệu hồi sản phẩm là hành động của Cơ sở sản xuất đối với các sản phẩm thuộc lô, kiểu loại sản phẩm bị lỗi kỹ thuật mà họ đã cung cấp ra thị trường nhằm sửa chữa, thay thế phụ tùng hay thay thế bằng sản phẩm khác để ngăn ngừa các nguy hiểm có thể xảy ra do các lỗi trong quá trình thiết kế, chế tạo, lắp ráp sản phẩm”.</i></p> <p>Như vậy, cần có hướng dẫn cụ thể để phân biệt với biện pháp buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm và giúp cơ quan thực thi xử lý hàng hóa một cách thống nhất, đúng quy định của pháp luật.</p>	
68.	<p><b>EUROCHAM: Điều 1.2</b></p> <p><i>c) Bổ sung điểm k khoản 3 Điều 3 như sau:</i></p> <p><i>“k) Buộc tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm triệu hồi hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đã được đưa vào kênh phân phối của tổ chức, cá nhân đó để áp dụng một trong các biện pháp phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại, tiêu hủy hoặc biện pháp khác theo quy định.”</i></p> <p><b>Điều 1.6</b></p> <p><i>c) Bổ sung điểm đ khoản 13 Điều 12 như sau:</i></p> <p><i>“đ) Buộc triệu hồi hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đã được đưa vào kênh phân phối của tổ chức, cá nhân vi phạm để áp dụng một trong các biện pháp phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại, tiêu hủy hoặc biện pháp khác theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều này trong trường hợp có yêu cầu của chủ thể quyền.”</i></p> <p><b>Ý kiến :</b> “<i>Triệu hồi hàng hóa</i>” có thể bị hiểu theo nghĩa hẹp hơn so với ngữ cảnh của quy định này. Vì thuật ngữ “<i>triệu hồi sản phẩm</i>” hiện được định nghĩa tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 45/2012/TT-BGTVT là “<i>hành động của Cơ sở sản xuất đối với các</i></p>	<p>Như nội dung tiếp thu, giải trình đối với góp ý của Bộ Công an.</p>



		<p>sản phẩm thuộc lô, kiểu loại sản phẩm bị lỗi kỹ thuật mà họ đã cung cấp ra thị trường nhằm sửa chữa, thay thế phụ tùng hay thay thế bằng sản phẩm khác để ngăn ngừa các nguy hiểm có thể xảy ra do các lỗi trong quá trình thiết kế, sản xuất, lắp ráp sản phẩm.”</p> <p><b>Khuyến nghị:</b></p> <p>Để làm rõ các quy định này, chúng tôi đề xuất sửa đổi “<i>triệu hồi</i>” thành “<i>thu hồi</i>” (tương tự với hình phạt bổ sung “<i>buộc thu hồi sản phẩm</i>” trong Luật xử lý vi phạm hành chính 2012).</p>	
69.	<b>Điểm a khoản 3 Điều 1</b>	<p><b>Bộ Công thương:</b> Tại điểm a Khoản 3 Điều 1 Dự thảo sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6, hành vi “nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng văn bản” và “chỉ dẫn sai hoặc không ghi chỉ dẫn về hàng hoá được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp” là những hành vi khác nhau, để phân định, liệt kê rõ ràng ở nội dung này đề xuất thay thế dấu phẩy “,” thành dấu chấm phẩy “;”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sửa đổi theo hướng như sau: “Nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng văn bản; chỉ dẫn sai hoặc không ghi chỉ dẫn về hàng hoá được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.”.</p>	Tiếp thu.
70.		<p><b>Cục SHTT:</b> Đề nghị cân nhắc việc bổ sung xử phạt hành chính đối với hành vi “nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng bằng văn bản” tại điểm a khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị định và bổ sung giải trình để làm rõ căn cứ, mục tiêu của đề xuất này. Việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp là giao dịch dân sự. Trường hợp việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp không tuân thủ quy định về hình thức tại khoản 2 Điều 138, khoản 2 Điều 141 của Luật Sở hữu trí tuệ thì hệ quả được xác định theo Bộ luật Dân sự (Điều 117).</p>	<p>Không tiếp thu.</p> <p>Lý do. Hành vi “nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng bằng văn bản” là hành vi cấm theo quy định tại Điều 141 Luật SHTT.</p>
71.		<p><b>Vụ Pháp chế:</b> Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định (điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP): Dự thảo Nghị định bổ sung hành vi “nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng bằng văn bản”, tuy nhiên, tên của Điều 6 là “vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp”. Vì vậy, đề nghị cân nhắc chỉnh lý để bảo đảm tính thống nhất.</p>	Tiếp thu.



72.		<p><b>Sở KHCN TP HCM:</b> Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định (điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP): Dự thảo Nghị định bổ sung hành vi “nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng bằng văn bản”, tuy nhiên, tên của Điều 6 là “vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp”. Vì vậy, đề nghị cân nhắc chỉnh lý để bảo đảm tính thống nhất.</p>	Tiếp thu.
73.		<p><b>Bộ Giao thông vận tải:</b> Tại tên khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị định: đề nghị xem xét sửa đổi theo hướng “3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 như sau” để phù hợp với nội dung tại khoản này. Đồng thời, đề nghị xem xét sửa đổi tương tự đối với tên khoản 4, khoản 6 Điều 1 của dự thảo.</p>	Tiếp thu sửa thống nhất toàn dự thảo.
74.		<p><b>Công ty Tâm nhìn và Liên danh:</b> Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 1, Điều 6:</p> <p>“c) Nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng bằng văn bản, chỉ dẫn sai hoặc không ghi chỉ dẫn về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.”</p> <p>Chúng tôi đề xuất sửa đổi tiêu đề Điều 6 như sau:</p> <p>“Điều 6. Vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và hình thức hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp</p> <p>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:</p> <p>...</p> <p>c) Nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng bằng văn bản, chỉ dẫn sai hoặc không ghi chỉ dẫn về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.”</p>	Tiếp thu. Nghiên cứu chỉnh lý Dự thảo Nghị định.
75.	Điểm b khoản 3 Điều 1	<p><b>UBND tỉnh Lạng Sơn:</b> Tại điểm b khoản 3 Điều 1: Dự thảo quy định “a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, phương tiện kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và hành vi chỉ dẫn sai về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này”. Đồng thời tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định 99/2013/NĐ-CP quy định: “c) Buộc sửa đổi, bổ sung chỉ dẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này”. Kết</p>	Tiếp thu: Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP cụ thể như sau: “c) Buộc bổ sung chỉ dẫn đối với hành vi không ghi chỉ dẫn quy định tại điểm c khoản 1 Điều này”.



		<p>quả của việc áp dụng mỗi biện pháp trên đều buộc cá nhân, tổ chức vi phạm phải sửa đổi chỉ dẫn sai (vì chỉ dẫn sai hoặc không ghi chỉ dẫn đều là hành vi vi phạm). Do đó việc quy định cả hai biện pháp khắc phục hậu quả trên cho cùng một hành vi là không cần thiết. Đề nghị xem xét chỉ quy định một biện pháp khắc phục hậu quả là buộc sửa đổi, bổ sung chỉ dẫn đối với hành vi chỉ dẫn sai quy định hoặc không ghi chỉ dẫn về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.</p>	
76.	<b>Điểm a khoản 4 Điều 1</b>	<p><b>Thanh tra Chính phủ:</b></p> <p>- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung của Dự thảo Nghị định: Tại điểm a khoản 4 Điều 1 Dự thảo Nghị định quy định xử phạt đối với hành vi “Lừa dối hoặc ép buộc khách hàng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp” với mức phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, không quy định hình thức xử phạt bổ sung. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu tăng mức xử phạt và có hình thức xử phạt bổ sung để tăng tính răn đe.</p>	<p>Tiếp thu. Mức phạt tiền đối với hành vi “Lừa dối hoặc ép buộc khách hàng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Dự thảo Nghị định từ 6.000.000 đồng đến 15.000.000. Đồng thời bổ sung biện pháp xử phạt bổ sung đối với hành vi này.</p>
77.		<p><b>Bộ giao thông vận tải:</b> Tại tên điểm a khoản 4 Điều 1 của dự thảo Nghị định: đề nghị xem xét sửa đổi theo hướng “a) Bổ sung điểm đ và e vào sau điểm đ khoản 1 như sau:” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Mẫu số 23, Phụ lục I của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ). Đồng thời, đề nghị xem xét sửa đổi tương tự đối với tên điểm c khoản 6 Điều 1 của dự thảo.</p>	<p>Tiếp thu. Chính lý Dự thảo Nghị định theo hướng góp ý.</p>
78.		<p><b>Bộ Tài nguyên và Môi trường:</b> Hành vi ép buộc khách hàng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 1 rất khó xác định trong thực tế. Việc giao kết thông qua việc thỏa thuận và được thể hiện bằng hợp đồng ký kết giữa các bên, các bên liên quan có trách nhiệm thực hiện các điều khoản hợp đồng đã ký kết.</p>	<p>Tiếp thu. Xem xét bỏ quy định xử lý đối với hành vi này tại Dự thảo Nghị định, do không khả thi trong thực tiễn.</p>
79.		<p><b>Công ty Tầm nhìn và Liên danh:</b> Bổ sung điểm e, khoản 1, Điều 7 như sau:  <i>“e) Không thông báo rõ các khoản, các mức phí và lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho khách hàng trước khi cung cấp dịch vụ.”</i></p>	<p>Tiếp thu. Chính lý Dự thảo nghị định để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 153 Luật SHTT</p>



	<p>Chúng tôi cho rằng khó có thể xác định thế nào là “thông báo rõ” về các khoản phí và lệ phí, đồng thời các khoản chi phí này có thể thay đổi trong quá trình đại diện cho khách hàng. Do đó, chúng tôi đề nghị bỏ từ “rõ”, chỉ giới hạn nghĩa vụ của đại diện SHCN trong việc phải thông báo cho khách hàng về các khoản phí và lệ phí. Cụ thể, chúng tôi xin đề xuất sửa đổi như dưới đây:</p> <p>“e) Không thông báo rõ các khoản, các mức phí và lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho khách hàng trước khi cung cấp dịch vụ.”</p>	
80.	<p><b>Công ty Tâm nhìn và Liên danh:</b> Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 2, Điều 7:</p> <p>“c) <i>Không thông báo, cung cấp nội dung yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp trong thời hạn được yêu cầu cho bên ủy quyền đại diện.</i>”</p> <p>Trong một số trường hợp, như tài liệu bị thất lạc trong quá trình vận chuyển, khách hàng thay đổi phương thức liên lạc..., khiến đại diện không thể thông báo, cung cấp nội dung cho khách hàng trong thời hạn được yêu cầu. Bởi vậy, chúng tôi đề xuất sửa đổi như sau:</p> <p>“c) Không thông báo, cung cấp nội dung yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp trong thời hạn được yêu cầu cho bên ủy quyền đại diện mà không có lý do chính đáng.”</p>	Tiếp thu. Chính lý Dự thảo Nghị định theo hướng góp ý.
81.	<p><b>Sở KHCN Yên Bái:</b> Tại ý e, điểm 4, Điều 7: có nêu: “<i>Không thông báo rõ các khoản, các mức phí và lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho khách hàng trước khi cung cấp dịch vụ</i>”.</p> <p>Đề nghị nghiên cứu, xem xét điều chỉnh thành: “<i>Không thông báo rõ các khoản chi tiết, các mức phí và lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho khách hàng trước khi cung cấp dịch vụ</i>”.</p>	Tiếp thu một phần. Chính lý Dự thảo Nghị định đối với nội dung góp ý để thống nhất với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 153 Luật SHTT
82.	<p><b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</b> Đề nghị xem xét lại việc quy định hành vi “Lừa dối hoặc ép buộc khách hàng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ...” tại điểm a khoản 4 Điều I dự thảo Nghị định vì quan hệ hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự và thương mại.</p>	Không tiếp thu. Lý do: khoản 4 Điều 156 Luật SHTT quy định áp dụng cảnh cáo, phạt tiền, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với hành vi “Lừa dối hoặc ép buộc khách hàng trong việc giao kết



			và thực hiện hợp đồng dịch vụ...” được nêu tại điểm c khoản 3 Điều 152 Luật SHTT.
83.	<b>Điểm d khoản 4 Điều 1</b>	<b>Bộ Quốc phòng:</b> Tại điểm d khoản 4 Điều 1, đề nghị đánh số khoản “5” vào trước nội dung sửa đổi và chỉnh lý lại như sau: “5. Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp...”, để đảm bảo tính thống nhất, đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản.	Tiếp thu. <i>Chỉnh sửa lại như sau:</i> “5. Biện pháp xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với cá nhân hoặc đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với tổ chức từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại <b>điểm đ khoản 1</b> , điểm a, b, c, d, đ, g, i khoản 2 và khoản 4 Điều này kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.”
84.	<b>Điểm đ khoản 4 Điều 1</b>	<b>UBND tỉnh Thanh Hóa, EUROCHAM:</b> Đề nghị sửa lỗi chính tả tại điểm đ khoản 4 Điều 1 của dự thảo Nghị định do có sự lặp lại 02 lần từ “bổ sung”, cụ thể: “Bổ sung, bổ sung khoản 6 như sau”.	Tiếp thu.
85.		<b>Vụ Pháp chế:</b> Tại điểm đ khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định (khoản 6 Điều 7 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP): Dự thảo Nghị định bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 (Cung cấp thông tin không trung thực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp). Tuy nhiên, hành vi cung cấp thông tin không trung thực có thể liên quan đến điều kiện, kết quả kiểm tra nghiệp vụ, yêu cầu ghi nhận (mức độ hành vi khác với hành vi tẩy xóa, sửa chữa đối với chứng chỉ hành nghề dịch vụ đã cấp). Vì vậy, đề nghị xem xét tính phù hợp của hành vi này với biện pháp khắc phục hậu quả.	Nghiên cứu tiếp thu.
86.		<b>Sở KHCN TP HCM:</b> Tại điểm đ khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định (khoản 6 Điều 7	Nghiên cứu tiếp thu.



		Nghị định số 99/2013/NĐ-CP): Dự thảo Nghị định bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 (Cung cấp thông tin không trung thực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp). Tuy nhiên, hành vi cung cấp thông tin không trung thực có thể liên quan đến điều kiện, kết quả kiểm tra nghiệp vụ, yêu cầu ghi nhận (mức độ hành vi khác với hành vi tẩy xóa, sửa chữa đối với chứng chỉ hành nghề dịch vụ đã cấp). Vì vậy, đề nghị xem xét tính phù hợp của hành vi này với biện pháp khắc phục hậu quả.	
87.		<b>Sở KHCN Cà Mau:</b> Điểm d, khoản 4, Điều 1: bỏ cụm từ “Bổ sung” thay bằng cụm từ “Sửa đổi” (vì có hai cụm từ “bổ sung”); Ban soạn thảo, nên xem xét việc sửa đổi, bổ sung Nghị định đối với hình thức phạt tiền, theo hướng tăng khung tiền phạt đối với các hành vi sản xuất, nhập khẩu vi phạm về lĩnh vực sở hữu công nghiệp.	Tiếp thu một phần: về cụm từ “sửa đổi”. Không tiếp thu tăng mức phạt do liên quan đến các điều khoản khác (sẽ xem xét khi soạn thảo Nghị định thay thế các Nghị định này).
88.		<b>Sở KHCN Hải Phòng:</b> Đề nghị chỉnh lý các cụm từ: “ <i>Bổ sung, bổ sung</i> ” tại điểm d khoản 4; “ <i>Bổ sung</i> ” tại điểm a, b khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định thành “ <i>Sửa đổi, bổ sung</i> ” cho chính xác.	Tiếp thu. Như nội dung tiếp thu ý kiến góp ý của Sở KHCN Cà Mau.
89.		<b>EUROCHAM:</b> Điều 1.4 “đ) <i>Bổ sung, bổ sung khoản 6 như sau:</i> <i>Buộc nộp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp chứng chỉ đó đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này</i> ” <b>Ý kiến:</b> Chúng tôi nhận thấy thuật ngữ “ <i>buộc nộp lại</i> ” chưa tương thích với quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ và chưa làm rõ được mục đích của việc nộp lại, để đính chính thông tin hay để thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. <b>Khuyến nghị:</b> Để làm rõ phạm vi của quy định này, chúng tôi khuyến nghị Bổ sung mục đích của việc “ <i>buộc nộp lại</i> ”, hoặc Thay thế “ <i>buộc nộp lại</i> ” bằng thuật ngữ “ <i>thu hồi</i> ”.	Tiếp thu. Chỉnh lý Dự thảo Nghị định theo hướng áp dụng xử phạt bổ sung tịch thu chứng chỉ hành nghề đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP để phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi và khắc phục hậu quả của hành vi gây ra.



90.	<b>Khoản 5 Điều 1</b>	<b>UBND tỉnh Lạng Sơn:</b> Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo đã bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “ <i>Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm đã bị thay đổi số lượng, chủng loại</i> ” đối với hành vi “ <i>thay đổi số lượng, chủng loại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp đang bị niêm phong hoặc tạm giữ</i> ” quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 99/2013/NĐ-CP. Tuy nhiên biện pháp này chưa được ghi nhận tại Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP. Để bảo đảm tính chặt chẽ và thống nhất trong văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bộ phận soạn thảo xem xét, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả trên tại điểm g khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP.	Tiếp thu: Chính lý Dự thảo Nghị định theo hướng như ý kiến góp ý.
91.	<b>Điểm a khoản 6 Điều 1</b>	<b>Bộ Quốc phòng:</b> Tiêu đề các điểm a, b, c khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung từ “Sửa đổi” và chỉnh lý thành: “a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 13 Điều 12 như sau: b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 13 Điều 12 như sau: c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 13 Điều 12 như sau:”. Lý do: Các điểm a, b, c tại khoản 13 Điều 12 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung, chỉnh lý về nội dung.	Tiếp thu một phần. Cụ thể: chỉnh sửa tiêu đề điểm a, b khoản 6 Điều 1 của Dự thảo Nghị định theo hướng góp ý.
92.		<b>Kiểm toán Nhà nước:</b> Tại điểm a khoản 6 Điều 1 quy định về “Bổ sung điểm b khoản 13 Điều 12” và điểm b khoản 6 Điều 1 quy định về “Bổ sung điểm c khoản 13 Điều 12”. Đề nghị biên tập tiêu đề các điểm nêu trên thành: “Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 13 Điều 12” và “Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 13 Điều 12” cho phù hợp.	Tiếp thu. Như tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Quốc phòng.
93.		<b>Sở KH&amp;CN Lâm Đồng:</b> Tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 6 Điều 1 của dự thảo Nghị định có cụm từ “Buộc phân phối” và cụm từ “... người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng...”, việc dùng các cụm từ nêu trên có thể gây thiệt hại đến chủ thể quyền sở hữu công nghiệp khi bị xâm phạm quyền và không có căn cứ để xác định <i>người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp</i> . Do đó đề nghị xem xét có nên đưa việc “Buộc phân phối... người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng...” vào dự thảo Nghị định.	Tiếp thu. Như nội dung tiếp thu ý kiến góp ý của Cục QLTT TP. Hà Nội
94.		<b>Bộ Công thương:</b> * Đối với từng biện pháp khắc phục hậu quả được sửa đổi, Bộ Công Thương có ý kiến như sau	